ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1231 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư M'gar của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Công văn số 82/CT-QLCL ngày 11/3/2026 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 214/TTr-SNNMT ngày 18/3/2026, Văn bản số 3387/SNNMT-BVMT ngày 15/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư M'gar (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cư M'gar và xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các xã: Cư M'gar, Quảng Phú;
- Công ty CP Cao su Đắk Lắk;

(Đ/c: Số 30, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỒNG MỚI VÀ CHĂM SÓC CAO SU XEN CÀ PHÊ TẠI CHI NHÁNH NÔNG TRƯỜNG CƯ M'GAR.

(*Kèm theo Quyết định số* 1231 */QĐ-UBND ngày 21 / 4 /2026*
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê tại Chi nhánh Nông trường Cư M'gar.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Cư M'gar và xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Minh - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Điện thoại: 02623.865.015

- Địa chỉ liên hệ: số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Quy mô dự án: Tổng diện tích dự án: 759ha, trong đó: Trồng cây 729,17 ha, mục đích khác 29,83 ha, cụ thể như sau:

- Khu 1 - Đội 5: Xây dựng hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước tưới, 06 hồ chứa nước dung tích 3.400m^3/hồ, trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê trên diện tích 247,15ha.

- Khu 2 - Đội 4: Xây dựng hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước tưới, 06 hồ chứa nước dung tích 6.200m^3/hồ, đường nội bộ, sân phơi cà phê diện tích 12,88ha, nhà điều hành diện tích 200m^2, trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê trên diện tích 254,79ha.

- Khu 3 - Đội 1: Xây dựng hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước tưới, 06 hồ chứa nước dung tích 3.400m^3/hồ, trồng mới và chăm sóc cao su xen cà phê trên diện tích 257,06ha.

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Sơ đồ tái canh cao su: Trồng mới cao su → Trồng dặm cao su → Làm cỏ, cày xới trên băng → Chăm sóc và bón phân → Phòng trừ bệnh hại → Thu hoạch mủ → Thanh lý vườn cây.

- Sơ đồ trồng xen cà phê: Chuẩn bị đất trồng → Trồng mới cà phê xen với cây cao su → Làm cỏ, cày xới trên băng → Chăm sóc và bón phân → Phòng trừ bệnh hại → Thu hoạch cà phê → Thanh lý vườn cây.

1.4. Phạm vi dự án:

1.4.1 Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a) Hạng mục công trình chính:

- Phục hóa diện tích đất chuẩn bị trồng và xây dựng đồng ruộng.

- Xây dựng vườn cây cao su: Trồng mới cao su với mật độ 516cây/ha, hàng cách hàng 5m, cây cách cây 2m.

- Xây dựng vườn cây cà phê: Trồng mới cà phê với mật độ 1.312cây/ha, hàng cách hàng 2,3m, cây cách cây 1,5m.

- Khai thác mủ cao su, khai thác hạt cà phê và thanh lý vườn.

b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường:

- Công trình chống xâm lấn: Lập hàng rào bảo vệ chống xâm lấn.

- Xây dựng 01 nhà điều hành diện tích 200m^2 tại Khu 2.

- Xây dựng đường giao thông cấp phối đá dăm, chiều dài 9.692m, mặt đường rộng 5m tại Khu 2.

- Đào hồ chứa nước: Khu 1 có 06 hồ, dung tích mỗi hồ khoảng 3.400m^3; Khu 2 có 06 hồ, dung tích mỗi hồ khoảng 6.200m^3; Khu 3 có 06 hồ, dung tích mỗi hồ khoảng 3.400m^3.

- Xây dựng hệ thống cấp nước: Khu 1 gồm 01 Trạm bơm cấp 1 công suất 180-200m^3/h, 06 trạm bơm cấp 2 công suất 24-73m^3/h, đường ống cấp nước dài 3km, hệ thống tưới; Khu 2 gồm 03 Trạm bơm cấp 1 công suất 180-200m^3/h, 06 trạm bơm cấp 2 công suất 24-73m^3/h; đường ống cấp nước dài 3km, hệ thống tưới; Khu 3 gồm 01 Trạm bơm cấp 1 công suất 120m^3/h, 06 trạm bơm cấp 2 công suất 24-73m^3/h, đường ống cấp nước dài 3,2km, hệ thống tưới.

- Xây dựng hệ thống cấp điện: Khu 1 gồm đường dây trung hạ áp và trạm biến áp số 1 công suất 400 KVA-22/0.4 KV, trạm biến áp số 2 công suất 250 KVA-22/0.4 kV. Khu 2 gồm đường dây trung hạ áp và trạm biến áp công suất 320 KVA-22/0.4 KV. Khu 3 gồm đường dây trung hạ áp và trạm biến áp công suất 250 KVA-22/0.4 KV.

- Xây dựng mới 01 bể tự hoại dung tích 6 m^3 và 03 bể tự hoại hiện hữu dung tích 6 m^3/bể.

- Xây dựng 03 kho chứa chất thải nguy hại tại 03 Khu (diện tích mỗi kho khoảng 20m^2).

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án: Các hoạt động sản xuất và nguồn cung cấp cây giống, vật tư phân bón trong quá trình tái canh cao su và trồng mới cây cà phê, hoạt động lưu giữ bàn giao trung chuyển mủ cao su từ các Trạm trung chuyển mủ của các đội sản xuất về nhà máy chế biến và hoạt động chế biến mủ cao su, hoạt động chế biến cà phê.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP.

II. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động phát quang, đào hố trồng cây, hoạt động sinh hoạt của công nhân có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường xung quanh khu vực Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động trồng, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su, cà phê gồm: Cạo mủ, thu gom và vận chuyển mủ cao su, thu gom hạt cà phê, thanh lý vườn có khả năng tác động xấu đến môi trường như mùi từ quá trình phát sinh do sự phân hủy hữu cơ của mủ cao su, mùi từ việc sử dụng hóa chất trong bảo quản mủ, mùi từ hoạt động sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại ảnh hưởng đến con người, môi trường sinh thái, kinh tế xã hội xung quanh khu vực Dự án.

III. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nguồn phát sinh, tính chất nước thải: nước thải phát sinh từ hoạt động công nhân tại 03 Khu. Thông số ô nhiễm đặc trưng chủ yếu: TSS, BOD_5, amoni, tổng phốt pho (tính theo P), phosphat (PO_4^{3-}), tổng nitơ, coliforms, khối lượng nước thải phát sinh mỗi khu vực khoảng 4,7m^3/ngày/khu.

- Nguồn phát sinh, tính chất bụi, khí thải: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang, cày, đào hố trồng cây và hoạt động thiết bị, máy móc... Thông số ô nhiễm đặc trưng chủ yếu: Bụi, CO_2, CO, NO_X, SO_2.

3.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nguồn phát sinh, tính chất nước thải: nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân tại 03 Khu. Thông số ô nhiễm đặc trưng chủ yếu: TSS, BOD_5, amoni, tổng phốt pho (tính theo P), phosphat (PO_4^{3-}), tổng nitơ, coliforms, khối lượng nước thải phát sinh mỗi khu vực khoảng 3,8m^3/ngày/khu.

- Nguồn phát sinh, tính chất bụi, khí thải: Hoạt động vận chuyển cây giống, phân bón, vận chuyển mủ sau khai thác, vận chuyển hạt cà phê về nhà máy, vận chuyển cây củi sau thanh lý vườn, thuốc bảo vệ thực vật, mùi từ mủ cao su, hoạt

động cưa, cắt cây, đào hố trồng cây… sẽ phát sinh mùi, bụi và khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Mùi, Bụi, SO_2, NOx, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân của 03 Khu, với thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, rau quả thừa, vỏ bao thực phẩm, vỏ chai, vỏ hộp,... khối lượng bình quân mỗi khu khoảng 84 kg/ngày/khu.

- Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn chủ yếu bao bì phân bón, túi nhựa; khối lượng phát sinh theo các thời kỳ như sau:

+ Thời kỳ trồng mới với tổng lượng phát sinh theo các thời kỳ như sau: Khu 1 khoảng 1.082,8 kg/năm; Khu 2 khoảng 1.148,7 kg/năm; Khu 3 khoảng 1.198,5 kg/năm.

+ Thời kỳ kiến thiết cơ bản với tổng lượng phát sinh như sau: Khu 1 khoảng 1.615,6 kg/năm; Khu 2 khoảng 1.713,8 kg/năm; Khu 3 khoảng 1.788,2 kg/năm.

- Nguồn phát sinh chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công tái canh. Thành phần chủ yếu giẻ lau, vải bị nhiễm các thành phần nguy hại, dầu nhớt thải, khối lượng phát sinh của mỗi khu: dầu nhớt thải khoảng 24 lít/năm, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại khoảng 9,0 kg/năm.

3.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, rau quả thừa, vỏ bao thực phẩm, vỏ chai, vỏ hộp... khối lượng như sau: khối lượng bình quân mỗi khu khoảng 68 kg/ngày/khu.

- Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn vô cơ: chủ yếu bao bì đựng phân bón, túi nhựa đựng phân bón với khối lượng phát sinh trong thời kỳ vận hành như sau: Khu 1 khoảng 2.212,6 kg/năm, Khu 2 khoảng 2.347,2 kg/năm; Khu 3 khoảng 2.449,0 kg/năm.

- Nguồn phát sinh chất thải rắn hữu cơ:

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình trồng chăm sóc, làm cỏ, cắt tỉa cây, cành, phá dọn và thu hoạch mủ cao su, thu hoạch hạt cà phê với lượng phát sinh như sau: Khu 1 khoảng 575,5 tấn/năm; Khu 2 khoảng 610,5 tấn/năm; Khu 3 khoảng 637,0 tấn/năm.

+ Đối với chất thải rắn hữu cơ phát sinh từ quá trình thanh lý vườn tổng sinh khối từ rễ cao su, rễ cà phê phát sinh là: Khu 1 khoảng 2.301,9 tấn; Khu 2 khoảng 2.441,9 tấn; Khu 3 khoảng 2.547,9 tấn.

- Nguồn phát sinh chất thải nguy hại: Chất thải phát sinh từ vỏ chai lọ hóa chất và bao bì đựng thuốc Bảo vệ thực vật, với khối lượng mỗi khu khoảng 38,4kg/năm/khu.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của các loại máy móc thi công (máy đào, máy ủi), phương tiện giao thông.

- Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy cưa, máy bốc gỗ, các phương tiện vận chuyển phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và vận chuyển gỗ củi sau thanh lý vườn cây

3.4. Các hoạt động khác:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn bề mặt trong giai đoạn thi công, xây dựng phát sinh chủ yếu TSS, đất, cát …làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

- Các sự cố như sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở và xói mòn đất.

3.4.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước mưa chảy tràn bề mặt tại các lô tái canh của Dự án, phát sinh chủ yếu TSS, đất, cát, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, chất lượng nước ngầm, chất lượng đất.

- Các sự cố như: sự cố hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật; sự cố xói mòn đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; ô nhiễm nguồn nước; cháy rừng.…

IV. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và hoạt động sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại được đặt tại mỗi nhà đội của từng Khu. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, số 05/2025/NĐ-CP, số 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn hiện hành;

- Tất cả các máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra định kỳ và thực hiện những

sửa chữa cần thiết để đảm bảo về độ an toàn cho các phương tiện tham gia thi công theo các tiêu chuẩn hiện hành;

- Bố trí các phương tiện tham gia thi công hợp lý (không quá nhiều phương tiện tham gia thi công cùng một thời điểm).

b) Trong giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Yêu cầu các chủ phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án phải chấp hành các quy tắc về an toàn giao thông, chạy đúng tốc độ để hạn chế bụi phát tán vào không khí.

- Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc: Sử dụng thuốc BVTV phải thực hiện theo đúng quy định yêu cầu kỹ thuật về hàm lượng hoạt chất của thuốc bảo vệ thực vật theo Thông tư số 75/2025/TT-BNNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Bố trí các phương tiện tham gia hoạt động trồng, chăm sóc, thu hoạch và thanh lý vườn hợp lý (không quá nhiều phương tiện tham gia thi công cùng một thời điểm).

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành Dự án đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, bố trí 03 thùng loại 220 lít có nắp đậy ở các khu vực thi công do các đội sản xuất quản lý và phân loại tại nguồn (01 thùng rác hữu cơ, 01 thùng rác có thể tái chế, tái sử dụng và 01 thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt khác), tổng cộng 03 Khu tái canh tương ứng với 9 thùng; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp san gạt được tái sử dụng trực tiếp tại chỗ không đổ thải ra môi trường. Trường hợp đất đào không sử dụng hết vận chuyển ra ngoài phải tuân thủ quy định của luật khoáng sản.

- Chất thải rắn thông thường khác: Rễ cây lớn phát sinh sau quá trình cày chảo và rà rễ được thanh lý cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng để tái chế; Rễ cây nhỏ không thanh lý được sẽ tiến hành cày phay, cày vùi làm phân bón tại các lô tái canh.

b) Giai đoạn vận hành.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, bố trí 03 khu, mỗi khu 03 thùng loại 220 lít có nắp đậy ở các khu vực tái canh do các đội sản xuất quản lý và phân loại tại nguồn (01 thùng rác hữu cơ, 01 thùng rác có thể tái chế, tái sử dụng và 01 thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt khác); hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: Cây, củi và rễ lớn (phát sinh trong quá trình thanh lý vườn) chuyển giao cho đơn vị thu mua chuyển đi xử lý; Lá rụng không thu gom được sẽ tiến hành cày phay, cày vùi, ép xanh theo rãnh làm phân bón tại các lô tái canh, cải tạo đất.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng tại nhà đội của mỗi Khu sản xuất 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 20 m^2, nền bê tông xi măng, khung sắt, quây tôn, mái lợp tôn. Tại kho chứa chất thải nguy hại bố trí các thùng phuy loại 220 lít, gắn nhãn mác theo quy định (01 thùng thùng chứa chất thải dạng lỏng và 01 thùng chứa chất thải dạng rắn); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định. Tổng 03 Khu sản xuất tương ứng với 03 kho.

- Giai đoạn vận hành: Tiếp tục sử dụng các kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu trong giai đoạn thi công xây dựng; bố trí các thùng phuy loại 220 lít, gắn nhãn mác theo quy định (01 thùng chứa chất thải chứa vỏ chai đựng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, 01 thùng chứa loại vỏ bao đựng hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật và giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại, 01 thùng chứa chất thải dạng lỏng).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách đối với khu lưu giữ chất thải nguy hại; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.

Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành giống nhau, cụ thể như sau:

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị xây dựng có mức gây ồn thấp, được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và đạt chất lượng đăng kiểm theo quy định.

- Không sử dụng đồng thời trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động.

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với các loại máy, thiết bị phát sinh tiếng ồn như: Máy đào, máy cày, máy ủi và máy cưa cắt.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Bố trí khu vực riêng để tập kết, xử lý gốc, rễ và cành cây, tránh để gần nguồn nhiệt hoặc khu vực dễ cháy; Lắp đặt biển cảnh báo nguy cơ cháy tại khu vực tập kết; Xây dựng dải đất chống cháy bao quanh khu vực tái canh để ngăn lửa lan rộng; Tạo hành lang cách ly giữa khu vực xử lý cây cũ và khu vực dân cư hoặc rừng liền kề.

- Phương án phòng ngừa sự cố xói mòn đất:

+ Thi công theo phương pháp bậc thang ở khu vực đất có sườn dốc lớn; thiết kế lối đi ngắn nhất, song song với đường đồng mức và kết hợp với bờ chắn ở các bậc thang ở những khu vực đất có sườn dốc, để giảm diện tích bị tác động hạn chế xói mòn, nâng cao khả năng giữ nước;

+ Phục hóa từng phần, giữ lại lớp thực vật che phủ ở các khu vực chưa trồng cây.

+ Đắp lại đất ở các khu vực bị xói mòn mạnh và gia cố bằng cây phủ xanh; tạo thêm các rãnh thoát nước nhỏ để dẫn dòng chảy ra khỏi khu vực bị xói mòn; bổ sung phân hữu cơ và vi sinh vật để cải thiện cấu trúc đất; trồng cây che phủ và cây lâu năm để tái tạo độ phì nhiêu của đất.

b) Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường:

+ Sử dụng hợp lý hóa chất: Sử dụng các loại thuốc BVTV sinh học, thân thiện với môi trường; Phun hóa chất theo đúng liều lượng và thời gian khuyến cáo, tránh phun trong điều kiện gió mạnh hoặc trước mưa.

+ Lưu trữ hóa chất đúng cách: Xây dựng kho chứa đúng theo quy định, có nền chống thấm và cách xa nguồn nước.

+ Trồng cây nông nghiệp xen canh trong thời gian đầu của vườn cây kiến thiết cơ bản; thiết lập thảm phủ họ đậu sau khi kết thúc thời gian trồng xen canh cây nông nghiệp hoặc trên đất trồng xen cây nông nghiệp kém hiệu quả.

+ Trồng cây theo đường đồng mức sẽ dần dần tạo nên những bậc thang, phân tán dòng chảy theo sườn dốc và nhờ đó giảm xói mòn đất.

+ Giữ thảm tươi dưới rừng cao su trực tiếp ngăn cản sự tác động của mưa, làm giảm xói mòn và tăng tính khả năng thấm nước của đất.

+ Kết hợp phân hữu cơ với phân hóa học để cải tạo đất và tăng cường hệ vi sinh vật.

- Biện pháp giảm thiểu tác động từ sạt lở, vỡ hồ chứa:

+ Đắp thành hồ theo đúng thiết kế đã được duyệt.

+ Theo dõi thời tiết thường xuyên để có kế hoạch lưu chứa nước phù hợp. Trong mùa mưa, hạn chế lưu chứa nước tại hồ để tận dụng sức chứa nước mưa.

+ Thường xuyên kiểm tra lớp lót đáy HDPE, trường hợp bị xô đẩy hay có dấu hiệu rách có phương án xử lý nhằm đảm bảo chức năng lưu chứa nước của hồ.

+ Trường hợp mưa lớn, khi cần thiết sẽ thực hiện bơm nước từ hồ chứa ra hệ thống thoát nước xung quanh nhằm hạn chế các sự cố tràn nước trong hồ, vỡ thành hồ.

+ Thường xuyên kiểm tra kết cấu, vị trí thành của các hồ chứa, trường hợp có dấu hiệu sạt trượt sẽ tiến hành gia cố kịp thời đảm bảo an toàn lưu chứa nước trong quá trình vận hành.

+ Định kỳ khoảng 1 năm sẽ thực hiện kiểm tra lớp bùn đáy trong hồ, tiến hành nạo vét lớp bùn để đảm bảo dung tích chứa nước của các hồ.

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường, con người và tài sản của người dân, nếu xảy ra các sự cố vỡ hồ ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

4.4.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Quản lý phương tiện và thiết bị: Kiểm tra và bảo trì thường xuyên các phương tiện vận tải, máy móc để tránh rò rỉ dầu, chất thải nguy hại; Đảm bảo các phương tiện vận chuyển không gây ô nhiễm không khí (khí thải đạt chuẩn).

- Quản lý và bảo vệ nguồn nước, đất: Hạn chế tình trạng xói mòn đất bằng cách che phủ bề mặt thi công như trồng cây họ đậu.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ: Sơ tán khẩn cấp người lao động ra khỏi khu vực nguy hiểm nếu khí độc phát tán lớn; Sử dụng thiết bị chữa cháy phù hợp (bình CO_2, bọt chữa cháy) để dập lửa tại các kho chứa hóa chất.

- Đối với sự cố cháy rừng: Thu gom và xử lý lá cây, cành khô định kỳ để giảm vật liệu dễ cháy; Cấm đốt tùy tiện trong khu vực trồng cao su; xây dựng các vùng đệm chống cháy; Lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy, bố trí đội tuần tra và

giám sát thường xuyên; Tuyên truyền về nguy cơ cháy rừng và trách nhiệm của công nhân, người dân; Thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy 4 tại chỗ (Chỉ huy, lực lượng, phương tiện và hậu cần tại chỗ).

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật:

+ Chỉ sử dụng các loại thuốc có trong danh mục quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành và đã được khảo nghiệm trên cây cao su.

+ Về chất lượng thuốc: phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng thực chất lượng hoặc chứng chỉ kiểm định của nhà sản xuất đối với lô hàng thuốc BVTV được cung cấp.

+ Thực hiện mua, sử dụng thuốc theo lượng cần thực tế trong năm, tránh sử dụng thuốc cận ngày hết hạn sử dụng (dưới 01 tháng), quá hạn sử dụng làm giảm hoặc không có hiệu lực phòng trị.

+ Khi thực hiện phun phòng trị bệnh phải có nhân viên kỹ thuật hướng dẫn cách pha và phun thuốc, có nhật ký phun thuốc ghi rõ thời gian, địa điểm, loại thuốc, người thực hiện, ghi nhận kỹ thuật thực hiện, có chữ ký của người thực hiện và giám sát kỹ thuật.

+ Sử dụng thuốc theo yêu cầu 4 đúng (đúng thuốc, đúng lúc, đúng cách và đúng nồng độ, liều lượng).

V. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giám sát trong giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và thông thường:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải (tại 03 khu vực).

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình xây dựng.

b) Giám sát chất thải rắn nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải (tại 03 khu vực).

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, biện pháp lưu trữ, hợp đồng thu gom.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình xây dựng.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động:

a) Giám sát môi trường đất:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (tại 03 khu vực).

- Thông số giám sát: Aldrin, Tổng DDT, Dieldrin, Lindane, Endrin.

- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

- Quy định áp dụng: QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và thông thường:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải (tại 03 khu vực).

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt hoạt động của dự án.

c) Giám sát chất thải rắn nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải (tại 03 khu vực).

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, biện pháp lưu trữ, hợp đồng thu gom.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt hoạt động của dự án.

d) Giám sát hồ chứa:

- Nội dung giám sát: Giám sát lưu lượng, mực nước, an toàn hồ chứa.

- Tần suất giám sát: thường xuyên trong suốt hoạt động của dự án.

e) Giám sát, quản lý việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật:

- Nội dung giám sát: Giám sát theo nguyên tắc "4 đúng": Đúng thuốc, đúng lúc, đúng nồng độ liều lượng và đúng cách.

- Tần suất giám sát: hàng ngày khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

VI. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

6.1. Khi triển khai thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong quá trình thi công xây dựng phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế đã được phê duyệt; xây dựng đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường, áp dụng các giải pháp đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và tổ chức thi công phù hợp để giảm thiểu xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm, môi trường đất khu vực thực hiện dự án.

6.3. Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công xây dựng.

6.4. Tổ chức xây dựng các hạng mục công trình của Dự án đúng tọa độ, diện tích theo thiết kế đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp với khu vực Dự án, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

6.5. Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện giải phóng mặt bằng, các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định

cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng từ việc thực hiện Dự án.

6.6. Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai Dự án.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường.

6.8. Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu trên theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

6.9. Trong quá trình thực hiện, đối với những văn bản quy phạm pháp luật và các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hết hiệu lực thì áp dụng những văn bản và quy chuẩn hiện hành thay thế.

6.10. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất; thu gom và thoát nước mưa chảy tràn để không gây ngập úng; thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định.

6.11. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.12. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.13. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.